UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 852/QĐ-STC

Cao Bằng, ngày 24 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành sửa đổi, bổ sung lần 7 Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe máy trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ; Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011;Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Lệ phí trước bạ;

Căn cứ công văn số 1519/BTC-CST ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính về việc ban hành giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền cho Sở Tài chính ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-STC ngày 06 tháng 5 năm 2015 về việc ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe máy trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 429/QĐ-STC ngày 04 tháng 6 năm 2015 bổ sung lần 1; Quyết định số 583/QĐ-STC ngày 08 tháng 7 năm 2015 bổ sung lần 2; Quyết định số 696/QĐ-STC ngày 10 tháng 8 năm 2015 sửa đổi, bổ sung lần 3;Quyết định số 745/QĐ-STC ngày 18 tháng 8 năm 2015 sửa đổi, bổ sung lần 4; Quyết định số 780/QĐ-STC ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng về việc ban hành bổ sung lần 5; Quyết định số 818/QĐ-STC ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng về việc ban hành bổ sung lần 6 Bảng

giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe máy trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quy chế phối hợp công tác giữa Sở Tài chính và Cục Thuế tỉnh Cao Bằng và Biên bản họp giữa Sở Tài chính và Cục Thuế tỉnh ngày 23 tháng 9 năm 2015 về việc thống nhất mức giá tính lệ phí trước bạ để bổ sung lần 7 Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ đối với các loại phương tiện xe ô tô, xe máy trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trên cơ sở Thông báo giá của các nhà sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe ô tô; giá ghi trên hóa đơn bán hàng hợp pháp; thông tin giá thị trường thời điểm hiện tại;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý giá Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung lần 7 Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe máy trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (có Phụ lục chi tiết I, II, III kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình thu lệ phí trước bạ, trường hợp cơ quan thuế phát hiện hoặc nhận được ý kiến của tổ chức, cá nhân về giá tính lệ phí trước bạ của tài sản chưa phù hợp hoặc giá tài sản đó chưa được quy định trong bảng giá tính lệ phí trước bạ thì Cục Thuế tỉnh có ý kiến đề xuất kịp thời gửi Sở Tài chính để sửa đổi, bổ sung vào Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe máy trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Tài chính Cao Bằng, Cục Thuế tỉnh Cao Bằng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Bộ Tài chính; | b/cáo
- Tổng cục Thuế; | b/cáo
- UBND tỉnh Cao Bằng; | b/cáo
- UBND các huyện, thành phố(p/hợp);
- Website STC;
- Lưu: VT, QLG.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH CAO BẰNG

Hoàng Hiển

Phụ lục I

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI XE MÁY TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BA

Ban hành kèm theo Quyết định số 852/QĐ-STC ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Sở Tài chính Cao Bằng

ĐVT: Nghìn đồng

STT	CHỦNG LOẠI NHÃN HIỆU - SỐ LOẠI KÝ HIỆU	GIÁ XE MỚI 100%
1	2	3
	DANH MỤC BỔ SUNG	
	HÃNG HALIM	
1	HALIM CKD50, dung tích 49,5 cm3 sản xuất năm 2015	8.400

Phụ lục II

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI XE Ô TÔ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Liên doanh, nhập khẩu linh kiện, sản xuất lắp ráp tại Việt Nam

Ban hành kèm theo Quyết định số 852 /QĐ-STC ngày 24 tháng năm 2015

của Sở Tài chính Cao Bằng

ĐVT: Nghìn đồng

STT	CHỦNG LOẠI NHÃN HIỆU - SỐ LOẠI KÝ HIỆU		NĂM SẢN XUẤT	GIÁ TÍNH LPTB XE MỚI (100%) THEO QĐ SỐ 818/QĐ-STC	GIÁ XE MỚI 100%
1	2		3	4	5
	DANH MỤC SỬA ĐỔI				
A	**LOẠI ÔTÔ TẢI**				
	NHÃN HIỆU FORLAND				
1	Ôtô tải (tự đổ)	THACO FLD800C	2015	574.000	442.000
	NHÃN HIỆU VEAM - VT				
	Theo Công văn số 57A/2015/VM/TT-TB ngày 01/9/2015 của Nhà máy ôtô VEAM có thay đổi MÃ SẢN PHẨM một số sản phẩm sau:				
1	VT201 CS, mã sản phẩm DT25X11000, điều hòa, nâng hạ kính cơ	**SỬA THÀNH**		VT201 CS, mã sản phẩm DT25X11006, điều hòa, nâng hạ kính cơ	
2	VT201 CS, mã sản phẩm DT22X11000, điều hòa, kính điện, khóa điện			VT201 CS, mã sản phẩm DT22X11006, điều hòa, kính điện, khóa điện	
3	VT252 CS, mã sản phẩm ET37X11000, điều hòa, nâng hạ kính cơ			VT252 CS, mã sản phẩm ET37X11006, điều hòa, nâng hạ kính cơ	

STT	CHỦNG LOẠI NHÃN HIỆU - SỐ LOẠI KÝ HIỆU		NĂM SẢN XUẤT	GIÁ TÍNH LPTB XE MỚI (100%) THEO QĐ SỐ 818/QĐ-STC	GIÁ XE MỚI 100%
4	VT252 CS, mã sản phẩm ET38X11000, điều hòa, kính điện, khóa điện	SỬA THÀNH	VT252 CS, mã sản phẩm ET38X11006, điều hòa, kính điện, khóa điện		
5	VT255 CS, mã sản phẩm ET36X11000, điều hòa, nâng hạ kính cơ		VT255 CS, mã sản phẩm ET36X11006, điều hòa, nâng hạ kính cơ		
6	VT255 CS, mã sản phẩm ET34X11000, điều hòa, kính điện, khóa điện		VT255 CS, mã sản phẩm ET34X11006, điều hòa, kính điện, khóa điện		
7	VT350 CS, mã sản phẩm GT32X11000, điều hòa, nâng hạ kính cơ		VT350 CS, mã sản phẩm GT32X11006, điều hòa, nâng hạ kính cơ		
8	VT350 CS, mã sản phẩm GT31X11000, điều hòa, kính điện, khóa điện		VT350 CS, mã sản phẩm GT31X11006, điều hòa, kính điện, khóa điện		
9	VT651 CS, mã sản phẩm LT01X11000, điều hòa, kính điện, khóa điện		VT651 CS, mã sản phẩm LT01X11006, điều hòa, kính điện, khóa điện		
DANH MỤC BỔ SUNG					
A	**LOẠI XE Ô TÔ TẢI**				
NHÃN HIỆU VEAM					
1	VB 650	VB650, tải trọng 6315kg, mã sản phẩm LB00X11414			643.500
2	VB 980	VB980, tải trọng 7700kg, mã sản phẩm Z202X11414			864.600
3	VT 750	VT750 CS, mã sản phẩm MT00X11006			618.200

STT	CHỦNG LOẠI NHÃN HIỆU - SỐ LOẠI KÝ HIỆU		NĂM SẢN XUẤT	GIÁ TÍNH LPTB XE MỚI (100%) THEO QĐ SỐ 818/QĐ-STC	GIÁ XE MỚI 100%
NHÃN HIỆU CHIẾN THẮNG					
1	Xe ôtô tải (có mui)	CT2.50TL1/MB, tải trọng 5410kg, dung tích xi lanh 2672cm3	2015		225.000
NHÃN HIỆU SYM					
1	Xe ôtô SJ1-A-S	Loại cao cấp, có thùng lửng, có điều hòa			266.600
2		Loại cao cấp, không thùng lửng, có điều hòa			247.250
3		Loại tiêu chuẩn, có thùng lửng, có điều hòa			260.150
4		Loại tiêu chuẩn, không thùng lửng, có điều hòa			240.800
5		Loại tiêu chuẩn, có thùng lửng, không điều hòa			245.100
6		Loại tiêu chuẩn, không thùng lửng, không điều hòa			225.750
NHÃN HIỆU ISUZU					
1	ISUZU FVM34W-C14	Xe ôtô tải (tự đổ), tải trọng 15.000kg, dung tích xi lanh 7790cm3	2015		1.804.400
B	**LOẠI XE Ô TÔ CHỞ NGƯỜI**				
NHÃN HIỆU TOYOTA - FORTUNER					
1	Fortuner TRD TGN51L-NKPSKU, 7 chỗ ngồi, số tự động 4 cấp, động cơ xăng, dung tích 2694cm3, 4x4, bộ ốp thân xe thể thao		2015		1.195.000
2	Fortuner TRD TGN61L-NKPSKU, 7 chỗ ngồi, số tự động 4 cấp, động cơ xăng, dung tích 2694cm3, 4x2, bộ ốp thân xe thể thao		2015		1.082.000

Phụ lục III

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI XE Ô TÔ NHẬP KHẨU NGUYÊN CHIẾC TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Ban hành kèm theo Quyết định số 852/QĐ-STC ngày 24 tháng 9 năm 2015

của Sở Tài chính Cao Bằng

ĐVT: Nghìn đồng

STT	CHỦNG LOẠI NHÃN HIỆU - SỐ LOẠI KÝ HIỆU		NĂM SẢN XUẤT	GIÁ XE MỚI 100%
1	2		3	4
	DANH MỤC BỔ SUNG			
A	**XE Ô TÔ TẢI**			
	NHÃN HIỆU HUYNDAI			
1	HYUNDAI MEGA 5TON	Xe ôtô tải tự đổ, dung tích xi lanh 5899cm3, trọng tải 5000kg, sản xuất tại Hàn Quốc	2009	645.000
	NHÃN HIỆU SUZUKI			
1	SUZUKI CARRY - ANLAC FT5	Ôtô tải (thùng kín), tải trọng 500kg, dung tích xi lanh 1590cm3, tay lái thuận, có máy lạnh, sản xuất tại Inđônêxia	2015	332.200
B	**XE CHỞ NGƯỜI**			
	NHÃN HIỆU MITSUBISHI			
1	MITSUBISHI ATTRAGE	Xe ôtô con 05 chỗ ngồi, dung tích xi lanh 1193cm3, số tự động, 4x2, động cơ xăng KC, sản xuất tại Thái Lan	2015	548.000
	NHÃN HIỆU TOYOTA			
1	TOYOTA YARIS	Xe ôtô con 05 chỗ ngồi, xăng KC, 4x2, dung tích xi lanh 1329cm3, sản xuất tại Pháp	2014	614.000